

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-01-2021

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Bà Bùi Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 327/2021/TLST–HNGĐ ngày 24/12/2020 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST - DS ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Vi Thị N** – sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

2. Bị đơn: anh **Hoàng Văn Đ** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn R, xã P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2020, bản tự khai nguyên đơn Vi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn Đ về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp và không cùng tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh Đ có 02 con chung Hoàng Công V, sinh ngày 27/4/2010 và Hoàng Duy N, sinh ngày 17/3/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, còn anh Đ nuôi dưỡng cháu N. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai bị đơn Hoàng Văn Đ nhất trí với nội dung mà chị N trình bày về thời gian, điều kiện về chung sống. Thực tế vợ chồng có mâu thuẫn và không thể khắc phục được. Nay chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị N nuôi dưỡng cháu V. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Vi Thị N và anh Hoàng Văn Đ về chung sống với nhau tự nguyện năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vì vậy hôn nhân giữa chị N và anh Đ là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự đều thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong cuộc sống gia đình, mâu thuẫn kéo dài đến nay anh chị cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Tại phiên hòa giải, các đương sự đều có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “*trong trường hợp không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; Điều 53 luật này; đối với con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Như vậy chị N và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu khởi kiện của chị N là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* chị N và anh Đ có 02 con chung Hoàng Công V, sinh ngày 27/4/2010 và Hoàng Duy N, sinh ngày 17/3/2013, tại phiên hòa giải các đương sự

thỏa thuận chị N trực tiếp nuôi dưỡng Hoàng Công V, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng Hoàng Duy N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự cũng như nguyện vọng của con chung là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Vi Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình;
Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị N và anh Hoàng Văn Đ.

2. *Về con chung*: giao cho chị Vi Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Công V, sinh ngày 27/4/2010, anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Duy N, sinh ngày 17/3/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Vi Thị N phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0008429 ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh YB;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

Trần Đăng Ninh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA